

NÔNG SẢN / 04

Đậu phộng

Peanuts

|                             |                   |                      |
|-----------------------------|-------------------|----------------------|
| XUẤT XỨ                     | LOẠI SẢN PHẨM     | LOẠI CÓ SẴN          |
| Ấn Độ — Gujarat / Rajasthan | Hạt có dầu / Nhân | Bold, Java, TJ       |
| INCOTERMS                   | MOQ               | THỜI GIAN GIAO HÀNG  |
| FOB, CIF                    | 1 x Container 20' | Xác Nhận Khi Báo Giá |

Các điều kiện khác (EXW, CFR, DDP) có thể được cung cấp theo yêu cầu. Thời gian giao hàng phụ thuộc vào điểm đến, lịch trình hàng tàu và quy định nhập khẩu/hải quan riêng của từng quốc gia — chúng tôi xác nhận ngày giao hàng cụ thể khi biết cảng đến.

THÔNG SỐ THEO GIỐNG

| THÔNG SỐ      | BOLD — 40/50–60/70 CT/OZ | JAVA — 50/60–70/80 CT/OZ | TJ (TINY JAVA) — 80/90–90/100 CT/OZ |
|---------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| Màu sắc       | Nâu đỏ                   | Đỏ hồng                  | Đỏ hồng                             |
| Dạng          | Bầu dục                  | Tròn                     | Nhỏ hơn, tròn                       |
| Độ ẩm         | Tối đa 7%                | Tối đa 7%                | Tối đa 7%                           |
| Độ tinh khiết | Tối thiểu 99%            | Tối thiểu 99%            | Tối thiểu 99%                       |

Hàm lượng dầu (44–48%), protein (25–28%), FFA (Tối đa 1,5%) và aflatoxin (Tối đa 10 ppb, tiêu chuẩn EU/US) được nêu là các thông số chung cho cả ba giống. Kích thước, màu sắc và hình dạng là những đặc điểm phân biệt thương mại chính.

ĐÓNG GÓI

Bao PP 25 kg & 50 kg | Bao jumbo 1000 kg  
Các kích thước khác và bao bì tùy chỉnh có sẵn theo yêu cầu của người mua.

TÀI LIỆU

Chứng nhận phân tích (COA) | Chứng nhận xuất xứ | Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật | Chứng nhận Halal (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG

- Ép dầu — Nghiền
- Bánh kẹo — Đồ ăn nhẹ

– Chế biến thực phẩm — Rang, chần